

Số: 19/2024/QĐST-LĐ

Trảng Bàng, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Phạm Minh Tú.

Thư ký phiên họp: bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên họp:
ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 08/2023/TLST-VLĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số 17/2024/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D; địa chỉ: Đường số F, Khu công nghiệp T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- **Người đại diện theo pháp luật:** ông CHEN, MIAO-CHI, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh T; địa chỉ: B đường N, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H1, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lâm Thị Hồng T, chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội thị xã T (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình giải quyết việc lao động - người yêu cầu giải quyết việc dân sự – bà Nguyễn Thị H trình bày:

Tháng 11/2005, bà H làm việc ở Công ty TNHH C, Khu công nghiệp T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là thị xã T) và sử dụng giấy chứng minh nhân dân số 290570304 để tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ: 4506008934, đến tháng 05/2022 thì bà H nghỉ việc và ngưng tham gia bảo hiểm.

Tuy nhiên, trong thời gian từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009, bà H có cho bà Nguyễn Thị H2 mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm việc tại Công ty TNHH D nên Công ty TNHH D và Nguyễn Thị H2 đã giao kết hợp đồng lao động với tên là Nguyễn Thị H. Tại đây, Công ty TNHH D tham gia BHXH cho Nguyễn Thị H2 với số bảo hiểm 7208017771.

Đến tháng 07/2023, khi bà H làm thủ tục lãnh bảo hiểm xã hội thì phát hiện trong thời gian từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009 bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H2 cùng tham gia bảo hiểm với số giấy chứng minh nhân dân 290570304.

Vì vậy, nay bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH D với bà Nguyễn Thị H2 đứng dưới tên Nguyễn Thị H là vô hiệu mục đích để bà H đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần theo quy định.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D có văn bản trình bày:

Ngày 01/7/2008, Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D và bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng lao động số 200807/900051, bà H được tuyển dụng vào làm việc. Bà H làm việc tại Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009 thì nghỉ việc nên Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D đã chấm dứt hợp đồng lao động với bà H từ tháng 7/2009. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà H từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2009 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7208017771 và thực hiện các nghĩa vụ khác cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D không biết việc bà Nguyễn Thị H2 mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty.

Do bận công việc nên nay Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tiến hành giải quyết vắng mặt. Công Ty Trách Nhiệm

Hữu Hạn D đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009 được ký kết giữa Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D với chị Nguyễn Thị H2 đứng dưới tên Nguyễn Thị H là vô hiệu. Ngoài ra, Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D không có yêu cầu gì trong việc lao động trên.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà H2 và bà Nguyễn Thị H là chị em ruột. Năm 2008, bà có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà H để đi làm tại Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D. Bà làm việc tại Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009 và được công ty tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm xã hội là 7208017771, bà đã hưởng trợ cấp BHXH 1 lần quá trình đóng BHXH tại C1 từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009.

Nay bà H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà (đứng tên bà Nguyễn Thị H) với Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D năm 2008 là vô hiệu thì bà thống nhất, việc bà mượn chứng minh nhân dân của bà H chỉ nhằm mục đích để làm việc chứ không có mục đích gì khác. Sau khi Tòa án giải quyết vô hiệu thì bà H được làm các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội với tên bà H theo đúng quy định, bà không có ý kiến gì cũng không có yêu cầu gì trong việc này. Đối với tiền lương, thưởng, các chế độ... trong quá trình làm việc thực tế tại Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D thì bà đã được nhận đủ nên bà không có bất cứ yêu cầu gì. *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh - bà Lâm Thị Hồng T có văn bản trình bày:* BHXH thị xã T đã cung cấp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Nguyễn Thị H sinh ngày 29/12/1977 (CMND: 29057304) với mã số BHXH: 7208017771 (bà Nguyễn Thị H đã hưởng trợ cấp BHXH 1 lần quá trình đóng BHXH tại Công ty TNHH D từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009). Kiến nghị Tòa án Nhân dân thị xã Trảng Bàng xem xét tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH D vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết yêu cầu:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết việc lao động. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 15, 16, 49 Bộ luật lao động và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng giải quyết việc lao động xem xét quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị H. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D là vô hiệu.

2. Bà H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H2 (đứng dưới tên Nguyễn Thị H) và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D vô hiệu. Đây là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D có trụ sở tại Đường số F, Khu công nghiệp T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D với bà Nguyễn Thị H2 đứng dưới tên Nguyễn Thị H là vô hiệu thấy rằng: bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị H đều thống nhất trình bày, trong khoảng thời gian từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009 bà H2 có mượn chứng minh nhân dân của bà H để làm việc tại Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D và được Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho bà H từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7208017771. Bà Nguyễn Thị H2 (dưới tên Nguyễn Thị H) đã ký kết với Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D hợp đồng lao động 200807/900051 ngày 01/7/2008, không xác định thời hạn.

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D cũng có văn bản xác nhận bà Nguyễn Thị

H làm việc tại Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009 và công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà H từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7208017771.

Tuy nhiên, vào khoảng tháng 11/2005, bà H đi làm tại làm việc ở Công ty TNHH C tại Khu công nghiệp T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là thị xã T), sử dụng CMND số 290570304 và có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ: 4506008934, đến tháng 05/2022 thì bà H nghỉ việc.

Như vậy, việc bà Nguyễn Thị H2 mượn chứng minh nhân dân và sử dụng thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “*Trung thực*”, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật lao động nên hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội T đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị H và qua đối chiếu quá trình tham gia bảo hiểm xã hội thể hiện: Thời gian đóng bảo hiểm xã hội bị trùng từ tháng 07/2008 đến tháng 06/2009 tại Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D và Công ty TNHH C với số sổ bảo hiểm xã hội là 7208017771 và 4506008934. Do đó, nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D với bà Nguyễn Thị H2 (do sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị H để giao kết hợp đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động số 200807/900051 ngày 01/7/2008 giữa bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (do bà Nguyễn Thị H2 ký kết) với Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn D là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027695 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận bà H đã nộp xong lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- CCTHA thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Phạm Minh Tú